

DẤU ẤN THI HỌC TƯỢNG TRUNG

TRONG ĐAU THƯƠNG CỦA HÀN MẶC TỬ

Nhận bài:

01 – 07 – 2015

Chấp nhận đăng:

25 – 09 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Hồ Văn Quốc

Tóm tắt: Hàn Mặc Tử là thi sĩ để lại những dấu ấn cá tính sáng tạo trong phong trào Thơ mới. Tập thơ *Đau thương* là một minh chứng sinh động. Nó không còn xây cất trên mảnh đất lãng mạn trữ tình như *Gái quê* mà đã đến với thế giới tượng trưng - thế giới của vô thức, ý niệm, tâm linh vi diệu. Hàn Mặc Tử trên hành trình tìm kiếm chính mình đã nhanh chóng vượt qua cách biểu hiện cái tôi cá nhân tự ý thức của chủ nghĩa lãng mạn trong *Gái quê* để đi đến cuộc phân thân quyết liệt, len nhập vào tận cùng khu vực bí ẩn của trái tim, thế giới vô hình và thế lực định mệnh trong *Đau thương*. Vì thế, cái tôi trữ tình trong *Đau thương* được cấu trúc bởi sự phân cực, đa diện. Bằng năng lực thiên khai, thi nhân giải phóng bản thể trong những giấc mơ kì lạ và thể hiện vũ trụ tinh thần bí ẩn, siêu nghiệm.

Từ khóa: Đau thương; thi học tượng trưng; cái tôi trữ tình; Hàn Mặc Tử; siêu nghiệm

1. Đặt vấn đề

Suốt mấy thập kỷ qua, các nhà nghiên cứu, phê bình không ngừng mở thêm những cánh cửa mới vào thám mã lâu thơ Hàn Mặc Tử. Song, dường như chưa thể đi đến tận cùng bởi lâu thơ ấy “rộng rinh không bờ bến” và ẩn chứa những vỉa tầng bí mật. Đặc biệt với *Đau thương*, một tập thơ kết tinh từ “hương thơm” tôn giáo và “mật đắng” phận người rồi thăng hoa trong trạng thái “máu cuồng và hồn điên” là một bài toán không lời giải cho những ai thích đọc thơ ví von, tâm sự. Hơn nữa, *Đau thương* đã đưa thi nhân vượt thoát khỏi cõi nhân gian để đến với thế giới “*Phượng Trì*” thanh khiết, vô biên, “*ngồi chơi vơi hào quang*” bằng lối thi học tượng trưng độc đáo, hiện đại.

2. Những biểu hiện thi học tượng trưng trong Đau thương của Hàn Mặc Tử

Thơ tượng trưng ra đời ở Pháp vào những năm 60 (thế kỉ XIX). Ngay lập tức nó tạo ra cơn địa chấn làm

lay động thi đàn. Sang thế kỉ XX, thơ tượng trưng mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới, đồng thời tìm được bến đỗ trong nền văn học Việt Nam. Từ sau năm 1936, khi “ảnh hưởng Pháp lại thấm thía thêm một tầng nữa” [3, tr.31] - “tầng” chủ nghĩa tượng trưng - Thơ mới càng chứng tỏ ưu thế trong việc giải mã thế giới, cuộc sống và con người hiện đại. Hầu hết các nhà thơ mới tiếp biến khuynh hướng thơ này ở những giác độ và sắc độ khác nhau. Hàn Mặc Tử cũng không ngoại lệ. Mặc dù, trong các tuyên ngôn của mình, ông không thừa nhận điều đó nhưng thực tế Hàn Mặc Tử khó lòng khước từ sự cám dỗ, mê hoặc của *Hoa Ác*, “cho nên không thể không thấy *Thơ Điên* có dây mơ rễ má với *Hoa Ác*. Bởi hướng thơ của tác giả *Hoa Ác* tuy vẫn được coi là đi tìm Cái Đẹp trong cái Ác, nhưng suy cho cùng nó vẫn là bông hoa mọc lên từ cái gốc *Đau thương*” [6, tr.33]. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi muốn mở thêm một cánh cửa nữa - tư duy tượng trưng - để khám phá *Đau thương*.

2.1. Từ quan niệm nghệ thuật: “Máu cuồng rên vang dưới ngòi bút”

Bằng quan niệm nghệ thuật mới mẻ và thực tiễn sáng tác sinh động, thi pháp tượng trưng đã mở ra trang sử hiện đại cho nền văn chương Pháp nói riêng, thế giới nói chung. Trong công trình nghiên cứu “Tổng kết văn

* Liên hệ tác giả

Hồ Văn Quốc

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: quoch1975@gmail.com

học thế kỉ XX”, Albrès đã gọi những nhà thơ Baudelaire, Mallarmé, Rimbaud, Verlaine là “thánh hiền của tôn giáo mới”. Họ đứng cầm làm một cuộc cách mạng nhằm phá bỏ mọi quy ước cứng nhắc, ngăn cản sự tiến hóa của nghệ thuật, để rồi kiến tạo lối thơ ẩn chứa những rung cảm sâu xa của cõi vô thức, tâm linh, bản năng; đồng thời mở ra cái nhìn mới về thế giới trong tính hai mặt. Theo Baudelaire: “Thơ ca là cái gì đó hiện thực hơn, cái gì đó chỉ hoàn toàn thật trong một thế giới khác”, còn J. Moréas trong *Tuyên ngôn tượng trưng* khẳng định: thơ ca tượng trưng biểu hiện trước hết “những tư tưởng nguyên ủy”, nó là kẻ thù của “sự mô tả khách quan”. Nhìn chung, các thi sĩ tượng trưng chủ trương phủ nhận lý trí, gạt bỏ mọi luận đề, mọi khuynh hướng tư tưởng nhằm giải phóng cho nghệ thuật “tìm tới trái tim, tới những cảm quan của con người (H. Taine), tới cái ý thức không được ý thức - cái phi lý tính. Mỗi nhà thơ phát huy thấu triệt thiên bẩm kì diệu của mình để khám phá mọi góc khuất của tâm hồn, ghi nhận sự tồn tại “những cái vô hình và những thế lực định mệnh” (Meatierlinhck). Hơn nữa, họ còn đi đến tận cùng thứ nghệ thuật thuần túy. Baudelaire cho rằng: “Thơ ca không có mục đích nào ngoài chính nó; nó không thể có mục đích nào khác, và sẽ không có bài thơ nào vĩ đại, cao quý, thực sự xứng đáng với tên gọi bài thơ”. Quan niệm nghệ thuật của trường phái tượng trưng đã tìm thấy sự “đồng thanh”, “đồng khí” với hồn thơ Hàn Mặc Tử. Qua các bài viết được xem như những tuyên ngôn của thi sĩ họ Hàn: “Nghệ thuật là gì?”, “Quan niệm thơ”, “Chiêm bao và sự thật”, Tựa tập *Đau thương*, Tựa tập *Xuân như ý...*, thi nhân đã mở ra một mạch nguồn mới lạ cho thơ: trực giác, phi lý tính, “*thuần túy và tượng trưng*”.

Không phải ngẫu nhiên *Đau thương* còn có tên gọi khác là *Thơ điên*. Theo Chu Văn Sơn: “Nếu *Đau thương* là nội dung sáng tạo, thì *Điên* là hình thức của sáng tạo ấy. Nói cách khác *Điên* chính là sự hiện hình, sự cất tiếng của *đau thương*” [6, tr.31]. Hàn Mặc Tử đã đi bằng “đôi chân” đó để đến miền vô tận của thơ khi “trí Người đã dâng cao và thơ Người dâng cao hơn nữa. Thì ra Người đang say sưa đi trong Mơ Ước, trong Huyền Diệu, trong Sáng Láng và vượt ra hẳn ngoài Hư Linh...” [2, tr.132]. Rõ ràng, lầu thơ *Đau thương* không còn xây cất trên mảnh đất lãng mạn trữ tình như *Gái quê* mà đã đến với thế giới tượng trưng - thế giới của vô

thức, ý niệm, tâm linh vi diệu. Bằng năng lực thiên khai, thi nhân giải phóng bản thể trong những giấc mơ kì lạ và thể hiện vũ trụ tinh thần bí ẩn, siêu nghiệm. Nhà thơ không ngần ngại bày tỏ: “Thế giới kì dị” của thơ ông được “tạo ra trong khi máu cuồng rên vang dưới ngòi bút” [2, tr.133]. Chính trong trạng thái sáng tạo ấy, sự tự do, bí ẩn của tâm hồn được thể hiện một cách trọn vẹn nhất. Đúng như Hàn Mặc Tử đã viết: “Tôi làm thơ ? Nghĩa là tôi yếu đuối quá! Tôi bị cám dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật. Và cũng có nghĩa là tôi mất trí, tôi phát điên. Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú. Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi ?” [2, tr.133]. Có phải vì thế mà trước khi vào trại phong Quy Hòa, nhà thơ đã tâm sự với Quách Tấn rằng: ông sẽ đốt tập *Thơ điên* nếu Chúa ban ơn lộc cho ông lành bệnh vì không muốn “người đời thấy những bí ẩn của lòng mình”. Điều đó còn có nghĩa, Hàn Mặc Tử xem thơ là sự kết tinh của một trạng thái tinh thần đặc biệt, cao siêu, vượt ra ngoài sự kiểm tỏa của lý trí để vươn tới sự thành thật tuyệt đối của trái tim đang *Rướm máu*: “*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút; / Mỗi lời thơ đều dính não cân ta. / Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt, / Như mè man chết dính cả làn da. / Cừ để ta ngất ngư trong vũng huyết, / Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh; / Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang xiết / Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh*”.

Từ việc coi trọng yếu tố phi lý tính trong sáng tạo nghệ thuật đã đưa Hàn Mặc Tử đến với lối thơ thuần túy, vô vị lợi, kỳ dị, lạ thường. Điều đó biểu hiện trước hết ở quan niệm về người làm thơ: Họ không phải thiên thần nhưng cũng không phải người thường mà là vị “khách lạ đi giữa nguồn trong treo”, là “loài thi sĩ” - “những bông hoa rất quý và rất hiếm” (Quan niệm thơ) - được Đức Chúa Trời tạo ra với một sứ mệnh cao cả, thiêng liêng là đem thông điệp của Chúa đến với loài người. Vì vậy, người thơ “phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi quyền phép của Người và trút vào linh hồn Người là những nguồn khoái lạc mê mê nhưng rất thơm tho, rất ngoạn sạch” (Quan niệm thơ). Song, để có được niềm hoan hỉ ấy, “loài thi sĩ” phải chịu không ít cực hình, thậm chí phải trả bằng “giá máu”. Cuộc đời và sự nghiệp thi văn Hàn Mặc Tử là minh chứng chân thật, sống động nhất cho điều đó.

Chạy vượt rào trên con đường thơ, Hàn Mặc Tử liên tục tạo ra những cú bức phá ngoạn mục. Làm nên sức mạnh ấy, không chỉ nhờ chất xúc tác bên ngoài mà còn dựa vào nội lực và ý hướng sáng tạo của nhà thơ: “Nguyễn suốt đời đi tìm sự lạ” (Quan niệm thơ). Nó như chiếc la bàn dẫn dắt người thơ đi tìm “tiếng gọi ở chốn xa xăm, thiêng liêng và huyền bí làm rung động cõi lòng”, bởi “thơ là ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt” (Quan niệm thơ). Thế nên, không có gì ngỡ ngàng khi độc giả thấy trong thế giới *Đau thương* có sự hòa trộn điều luyện các yếu tố: chân, kì, lạ và ảo. Tất cả được đẩy lên cấp độ tột cùng, vô biên, tuyệt đích hòng thỏa mãn khát vọng “hương Cái Thơ trên Cái Thơ khác nữa” (Quan niệm thơ) của thi sĩ họ Hàn.

2.2. Qua cái tôi trữ tình: “Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt”

Các thi sĩ tượng trưng thám mã thế giới, cuộc đời, con người trong tính nhị nguyên của cái thực tại và cái tinh thần được bao bọc bởi màn sương huyền nhiệm. Vì vậy, để chọc thủng tấm màn ấy, tìm đến bản thể vũ trụ, lòng người, đòi hỏi người nghệ sĩ phải là một “tiên tri thấu thị”. Song làm cách nào để trở thành “tiên tri thấu thị”? Trong bức thư “Gửi Paul Demeny”, Rimbaud viết: “Thi nhân tự biến mình thành tiên tri thấu thị bằng một sự hỗn loạn của tất cả mọi giác quan lâu dài, rộng lớn, phi thường và hợp lý” [1, tr.59] khiến “tôi là một kẻ khác” để “thấy tất cả, cảm tất cả, tiêu thụ tất cả, thám hiểm tất cả, nói tất cả” [1, tr.57] và hiện thị những linh tượng nhằm hướng tới “một viễn tượng về cuộc đời” ở chiều kích khác: chân thật mà vô biên, sâu thẳm. Như vậy, làm thơ là một công việc sáng tạo đầy lao khổ để đi tìm và biểu hiện “kẻ khác” trong mình: con người vô thức, tâm linh, bản năng; nó giúp người thơ tìm thấy bản lai diện mục của mình trong sự run rẩy thâm kín, tế vi của tâm hồn. Đồng thời, nó để cõi đời, cõi người và cõi thơ đan bện vào nhau, thâm nhập vào nhau, tất cả phải hư lên vì thực.

Hàn Mặc Tử trên hành trình tìm kiếm chính mình đã nhanh chóng vượt qua cách biểu hiện cái tôi cá nhân tự ý thức của chủ nghĩa lãng mạn trong *Gái quê* để làm cuộc phân thân quyết liệt, len nhập vào tận cùng khu vực bí ẩn của trái tim, thế giới vô hình và thế lực định mệnh trong *Đau thương*. Vì thế, cái tôi trữ tình trong *Đau thương* được cấu trúc bởi sự phân cực, đa diện, biến hóa khôn lường, “một xác thân nhiều nhân cách,

toàn những “nhân cách” phản trái nhau” [6, tr.34]: linh hồn - thể xác, hiện thực - hư ảo, điên loạn - siêu thoát, cô đơn – hòa hợp... Tất cả được tạo ra do *Đau thương* và khát vọng tìm liệu pháp cho *Đau thương*. Đó có thể là ước mơ *Siêu thoát* trong cõi siêu hình, tôn giáo: “*Trời bát ngát không cần phô triết lý/ Thơ lảng lai chấp chóa những hàng châu/ Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm màu/ Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa/ A ha hã ! say sưa chề chán đã/ Ta là ta hay không phải là ta ?.../ Hồn vội thoát ra khỏi bờ trí tuệ*” (*Siêu thoát*). Phiêu du vào thế giới miên viễn, cao trọng, huyền diệu ấy, người thơ như được cứu rỗi, làm vui bớt nỗi đau thân xác và được sống bằng tinh thần hoan hỉ. Hơn nữa, tôn giáo còn là đôi cánh diệu kì nâng thơ Hàn Mặc Tử “*thoát ra khỏi bờ trí tuệ*” - sự hữu hạn của tư duy con người - đến với cõi “*trời bát ngát*”, “*vì có đấng hằng Sống, hằng Ngự Trị*”. Cho nên, không ít lần Hàn Mặc Tử để *hồn lìa khỏi xác*, sống một đời tự do như ý, thoát khỏi sự giam cầm của xác thân; điều mà nhà thơ không thể thực hiện trong đời thực nên đã “*siêu hóa những ước mơ không được thỏa mãn*”: “*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt/ Để chấp chờn trong ánh sáng mộng lung*” (*Sáng lảng*); “*Ta khắc hồn ra ngoài cửa miệng/ Cho bay lên hí hửng với ngàn khơi*” (*Say trắng*); “*Đêm nay ta khắc hồn ra khỏi miệng,/ Để cho hồn đỡ bớt nỗi bi thương./ Nhưng khôn nỗi xác ta đang cảm tiếng,/ Hồn đi rồi, không nhập xác thể lương*” (*Hồn lìa khỏi xác*). Có thể nói, cho “*hồn lìa khỏi xác*” chỉ là liệu pháp tạm thời để cắt cơn đau. Trong *Thơ điên*, Hàn Mặc Tử có một xác tín rằng: nỗi đau hình hài chỉ là nguyên tội, là phương thức để Chúa dùng cứu thế. Những ai theo đạo Kitô đều nhận thức rõ điều đó và sẵn lòng, hân hoan đón nhận để có được vinh hiển mai sau: “*Đau thương hôm nay là thai nghén cho ngày mai, thai nghén một mùa Xuân như ý*” [5, tr.163]. Tuy nhiên, cũng cần nói thêm, với Hàn Mặc Tử ngoài tín niệm của một con chiên ngoan đạo còn là sự trải nghiệm đến tột cùng từ nỗi đau thân phận. Sự cộng hưởng của hai yếu tố cùng tài năng bẩm sinh đã giúp ông vượt qua được rào cản của hiện thực, tìm thấy “*viễn tượng Thiên Đàng*”, nơi ngự trị của cái tôi bản thể, tìm thấy những giá trị thiêng liêng trong sự hỗn loạn của tâm trí. Không ít lần, nhà thơ rơi vào trạng thái phân thân, tâm tư bất định, cô đơn tuyệt đích đến nỗi thấy bóng mình mà ngỡ có ai đang ngồi bên cạnh: “*Ai đi lảng lảng trên làn nước/Với lại ai ngồi khít cạnh tôi ?/ Mà sao ngậm cứng thơ đầy miệng,/ Không nói không*

*rằng nín cả hơi !! Chao ôi ! ghê quá trong tư tưởng/
Một vũng cô liêu cũ vạn đời” (Cô liêu).*

Có phải vì thế mà Hoài Thanh cho rằng: đọc *Máu cuông* và *Hồn điên*, “một nhà chuyên nghiên cứu những trạng thái kì dị của tâm linh (...) sẽ lượm được nhiều tài liệu hơn một nhà phê bình văn nghệ” [3, tr.200]. Nhận xét này xem ra không thỏa đáng, bởi “những trạng thái kì dị của tâm linh” ấy không phải là sản phẩm của bệnh lý mà là sự kết tinh của nỗi đau chót vót, nỗi cô đơn cùng cực khiến nó không giống hiện thực như ta thường thấy, thường nghĩ. Đó là hiện thực tâm linh được thi nhân cảm niệm bằng trực giác, “thiên nhãn” rồi hóa thành thơ nên thật hơn cuộc đời thật hay nói cách khác hoàn toàn thật trong một thế giới khác. Theo lời kể của Hàn Mặc Tử cho Quách Tấn, hai bài thơ *Cô liêu* và *Cuối thu* ra đời từ nỗi ám ảnh về một cảnh tượng hãi hùng mà ông chứng kiến trong một đêm trăng lạnh trên bãi biển Quy Nhơn: “Đêm lạnh hết sức, lạnh đến nỗi nghe cả tiếng chiêm bao... Tôi có một cảm giác ngòm ngộp... Chợt nhìn lên trời thấy bóng trăng đã đứng đầu, và nhìn bên cạnh thấy một bóng người ngồi sát. Liên đó, từ trong bóng người ngồi bên cạnh tôi... bước ra một bóng thứ hai, đi từ từ ra biển và bước lững thững trên mặt nước... Rồi hai bóng đều biến mất và mặt biển đọng lại thành tuyết sáng ngời dưới bóng trăng khuya. Thoạt hiện ra một người, thân vóc nở nang, mình khoác chiếc áo lông, vai gánh hai thùng thiết đựng đầy nước óng ánh. Người ấy bước đi thì nước ở trong thùng tung ra và hóa thành máu đỏ lã chã trên tuyết. Người gánh máu đi lặn vào bờ... Tôi khiếp quá, hét lên một tiếng, vụt đứng dậy, chạy một mạch về nhà. Vừa đến nhà, mệt quá, té nằm trước thềm, ngút hơi... Từ ấy cảnh tượng kia ám ảnh tôi mãi” [6, tr.61].

Tóm lại, nếu Baudelaire đi tìm cái Đẹp trong cái Ác thì Hàn Mặc Tử tìm thấy trong *Đau thương* một “linh hồn thanh khiết”, một nguồn mạch cho thơ. *Đau thương* đã kết tụ, thăng hoa thành nghệ thuật; đồng thời mở ra một hướng đi mới cho thi ca khi làm nổi tung cái nguyên tột thành muôn mảnh, khiến “tôi là kẻ khác” nhằm thám mã mọi ngõ ngách bí ẩn của trái tim lẫn cõi vô thức, tâm linh.

2.3. Đến kiến trúc lầu thơ: “Rộng rinh không bờ bến”

Khám phá thế giới *Thơ điên*, độc giả như được “thoát hồn” cùng người thơ phiêu du trong cõi siêu hình, “rộng rinh không bờ bến”. Bởi thế giới ấy không được kiến tạo từ chất liệu hiện thực đời thường và xây

trên mảnh đất trần gian mà “làm bằng êm dịu, làm bằng thanh bai (...), đầy trinh tiết và đầy thanh sắc” [2, tr.132] được chiết xuất từ *Nguồn Trong Trẻo* - nguồn thơ thuần khiết, mang màu sắc tượng trưng - biểu hiện ở lối tư duy tương hợp với sự “khải thị” linh diệu, ở những biểu tượng phức hợp và sự “nổi loạn” của nhạc điệu, ngôn từ.

Tư duy tương hợp là một sáng tạo có ý nghĩa tiên phong của Baudelaire, góp phần mở ra một thời đại mới cho thi ca trong việc khám phá thế giới, con người ở chiều sâu bí ẩn, ở mối quan hệ siêu việt giữa cái hữu hình - vô hình, hữu thức - vô thức, thật - ảo, linh hồn - thể xác, hương thơm - màu sắc - âm thanh... Bài thơ *Tương hợp* (Correspondances) chính là tuyên ngôn của Baudelaire cho quan niệm ấy: “*Vũ trụ là một ngôi đền mà trụ cột thiên nhiên/ Thỉnh thoảng nói lên những lời mơ hồ, bí ẩn/ Con người đi qua, cả một rừng biểu tượng/ Nhìn chúng ta với những con mắt thân quen/ Như những tiếng vọng dài, từ rất xa hòa xuống/ Trong một âm thanh duy nhất, sâu thẳm tối đen/ Mênh mông như ánh sáng, mênh mông như bóng đêm/ Hương sắc và âm thanh trong không gian tương ứng*”. Để cảm niệm thế giới, con người và vạn vật trong mối tương quan huyền bí mang tính chất siêu nghiệm đòi hỏi người nghệ sĩ phải nhất thể hóa các giác quan (hay nói cách khác “tương ứng cảm quan”) mới đi sâu vào được bản chất sự vật, làm phát lộ những bí ẩn bất ngờ, lý thú.

Hàn Mặc Tử đã tìm thấy sự tương đồng với thơ tượng trưng trong quan niệm này khi tạo ra một thế giới ngập tràn âm thanh, màu sắc, hương thơm - những đối tượng can chinh phục của các giác quan - quyện hòa vào nhau trong “*không gian tương ứng*” làm nên một thi giới lung linh, ảo diệu: “*Bằng trăm tiếng vẽ ra trăm màu sắc./ Với đôi tay nàng trút hết đê mê./ Dạ lan hương bùng nở cánh e dè./ Trong khúc nhạc rên đều hơi gió rớt.*” (*Đàn ngọc*), “*Như hương trắng đầm thắm cõi không gian*” (*Sáng láng*), “*Tiếng vàng rơi xuống giếng./ Trăng vàng ôm bờ ao.../ Gió vàng đang xao xuyến*” (*Ngủ với trăng*), “*Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên./ Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng./ Ca những điệu ngọc vàng ca sang sáng*” (*Ngoài vũ trụ*)... Bên cạnh đó, Hàn Mặc Tử còn phát huy đến tận cùng sức mạnh của trực giác, linh cảm - chiếc cầu nối giữa hai bờ ý thức và tiềm thức, lý trí và bản năng - cùng những liên tưởng ngẫu nhiên, táo bạo đến không ngờ: “*Bỗng đêm nay, trước cửa bóng trăng quỳ./ Sấp mặt xuống cúi mình*

theo dáng liễu./ Lời nguyện gấm xanh như màu huyền diệu./ Nào nề lòng viễn khách giữa lúc mơ” (Hãy nhập hồn em), “Mới lớn lên trắng đã thẹn thò/ Thơm như tình ái của ni cô” (Huyền ảo), “Tôi dọa không gian, rùa tôi cùng./ Tôi khát vô cùng./ Tôi giết thời gian trong nắm tay./ Tôi vo tiéc mền như vo lụa./ Cát tiếng cười ròn xao động vùng mây” (Chơi trên trăng)... Bằng trực giác và tương ứng cảm quan, nhà thơ đã dẫn dụ trí năng người đọc vượt qua cái cụ thể, hữu hình, kinh nghiệm để đi đến cái trừu tượng, tinh thần, siêu nghiệm; đến với bản chất bên trong, bí ẩn của sự vật một cách trực tiếp, tức thời không qua suy lý.

Hàn Mặc Tử không chỉ làm sáng lên tính thống nhất “thâm u và sâu xa” của thế giới, con người bằng cảm quan tương ứng và trực giác mà còn bằng hệ thống biểu tượng phức hợp, độc đáo; tiêu biểu với ba biểu tượng: trăng, máu, hồn. Chúng vốn không mới trong văn học. Nhưng với Hàn Mặc Tử, trăng, máu, hồn được nhìn qua lăng kính chủ quan, gắn liền với những trải nghiệm riêng có của nhà thơ. Thế nên, chúng mang sắc màu, ý nghĩa mới lạ, biến hóa vô lường. Trăng trong *Đau thương* không còn là một thực thể tĩnh, tồn tại khách quan, độc lập mà giữa trăng và thi nhân có mối dây ràng rịt, thôn tính lẫn nhau và trở thành vật sở hữu của nhau. Thế nên, người thơ có thể *Chơi trên trăng, Ruợt trăng, Say trăng rồi Ngủ với trăng*. Trăng - thi sĩ tan hòa vào nhau: “*Không gian dày đặc toàn trăng cả/ Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng*” (Huyền ảo). Thêm nữa, trăng trong thơ Hàn Mặc Tử còn bị nổ vỡ thành muôn mảnh tâm trạng, mỗi trăng là mỗi trải nghiệm đau thương. Nó ám thị ghê gớm nhà thơ: “*Gió rút tầng cao trăng ngã ngửa./ Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô./ Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy./ Sáng dậy điên cuồng mùa máu ra*” (Say trăng). Trăng còn là biến thể của máu và hồn. Chúng có mối liên hệ khăng khít, tồn tại trong một nhất thể *Đau thương*: Trăng - hiện thực được nhà thơ chứng nghiệm - là nguồn cảm hứng, nguồn năng lượng thấp lên sự sống cho hồn - thế giới tinh thần siêu việt: “*Tôi nhập hồn tôi trong khúc hát./ Để nhờ không khí đẩy lên trăng*” (Chơi trên trăng). Hồn hòa vào trăng, trăng tiêu tán trong hồn cho đến khi “*hồn đã cầu, đã cào, nhai ngấu nghiền*” (Hồn là ai), đó là lúc tích tụ mọi đau thương, tinh túy chuẩn bị cho thời khắc tuôn trào của máu là trái tim hoa của thơ: “*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút./ Mỗi lời thơ đều dính não cân tạ./ Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt./ Như mê man*

chết điếng cả làn da” (*Ruộm máu*). Trăng, hồn, máu là “*đau thương*” thăng hoa thành nghệ thuật, là con đường sáng tạo của *Thơ điên*.

Giống như các nhà thơ tượng trưng khác, bên cạnh việc khám phá bản chất huyền bí của sự vật, thực tại, con người bằng trực giác, cảm quan tương ứng, biểu tượng, Hàn Mặc Tử còn rất chú trọng vai trò của nhạc tính trong thơ. Nói như Verlaine: “*Âm nhạc trước mọi điều*”, “*Âm nhạc nữa và mãi mãi*”. Bởi âm nhạc có khả năng đào sâu bản chất sự vật, lòng người; có sức mạnh liên kết kì diệu giữa cái mơ hồ với cái chính xác và đạt tới cái siêu việt tốt hơn các loại hình nghệ thuật khác. Trong lời tựa tập *Thơ điên*, Hàn Mặc Tử viết: “*Tôi làm thơ? Nghĩa là tôi nhún một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng. Anh sẽ thấy hơi đàn là lướt theo hơi thở của hồn tôi và chiều theo những sóng điện nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyển chuyển. Anh sẽ run theo khúc ngân nga của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai âm rền rĩ nuôi không ngưng. Và anh sẽ cảm giác lạ*” [2, tr.132 - 133]. Điều đó có nghĩa, nhạc điệu trong thơ Hàn Mặc Tử không phải là thứ âm thanh khuôn vào thi điệu có sẵn do luật bằng trắc tạo nên mà là nhạc lòng, “*là lướt theo hơi thở của hồn tôi*”, ngân nga muôn giai điệu và len lén, thấm dần vào lòng ta khiến ta ngất ngây, mê đắm rồi dẫn dụ ta xa lìa cõi đời để đi vào cõi mộng, cõi thơ; “*thơ phát ra thứ âm nhạc này có giá trị như những câu thần chú*” [2, tr.200]: “*Ha ha ! Ta đuổi theo trăng./ Ta đuổi theo trăng./ Trăng bay là tà ngã trên cành vàng*” (*Ruợt trăng*). Hay, “*Tôi ước ao là tôi ước ao/ Tình tôi vô lượng sẽ dâng cao/ Như bóng trăng nở, bóng trăng nở./ Những cánh bóng thơ trắng ngạt ngào*” (*Ước ao*).

Có thể nói, tính nhạc trong *Đau thương* thiên biến vạn hóa, trôi chảy theo dòng tâm tư bất định của thi nhân, chuyển động trong từng phút giây để rồi tự chọn lấy nhịp điệu thích hợp, không gò bó của thơ tự do, đặc biệt những bài thơ trăng: *Ngủ với trăng, Ruợt trăng, Say trăng, Chơi trên trăng, Một miệng trăng*... Chúng như những bản hòa âm kì diệu ngân lên từ cõi lòng sâu thẳm, có sức ám gọi tâm trạng và tạo ra những ý nghĩa sâu xa, bất ngờ. Nó phù hợp với yêu cầu thuần khiết hóa, huyền bí hóa cho thơ: “*Gió thổi rào rào như lá đổ./ Suối gì trong trắng vẫn đồng trinh./ Bóng ai theo rồi bóng mình./ Bóng nàng yêu tinh*” (*Một miệng trăng*). Thơ Hàn Mặc Tử làm rung cảm trái tim bạn đọc nhiều

khi bắt đầu từ âm thanh, giai điệu rồi mới đến ý nghĩa bởi tự nó đã chuyển tải những thông điệp, ý nghĩa nào đó. Nói như Valéry: “Thơ là sự dao động giữa âm thanh và ý nghĩa” mà “âm thanh và ý nghĩa” được tạo ra bởi ngôn từ. Nó là chất liệu thứ nhất, tối quan trọng, “bầu lên nhà thơ” (Edmond Jabès). Vì thế, mỗi nhà thơ, mỗi trường phái có một “vân chữ” riêng.

Không giống với thơ lãng mạn, ngôn ngữ tuôn trào theo dòng cảm xúc trữ tình, trong sáng, mượt mà, dễ hiểu. Các nhà thơ tượng trưng sáng tạo một hệ thống ngôn ngữ mới lạ, thậm chí bí ẩn để biểu đạt cái tiềm thức, hư ảo. Mallarmé nhấn mạnh tính chất thần bí, thiêng liêng của ngôn từ, ông đã sáng chế nên những từ ngữ “mới mẻ, xa lạ với ngôn ngữ và nghe như thần chú”; còn Rimbaud muốn trở thành ảo thuật gia, nhà “luyện đan ngôn từ” để đưa thơ ca đạt tới quyền lực của siêu nhiên.

Sáng tạo trong trạng thái “máu cuồng” và “hồn điên”, Hàn Mặc Tử đã gây nên cuộc “nổi loạn” ngôn từ. Trước hết, nhà thơ tạo ra hệ thống ngôn ngữ biểu trưng, trừu tượng bằng phương thức ảo hóa - một trong những cách ảo hóa thực tại - đem lại cho nó ngữ nghĩa mới và có khả năng khơi gợi trí tưởng tượng cũng như tác động trực tiếp vào giác quan người đọc mang lại một siêu cảm về thế giới, con người: “*Nước hóa thành trăng, trắng ra nước./ Lụa là ước đắm cả trăng thơm./ Người trắng ăn vận toàn trắng cả./ Gò má riêng thôi lại đỏ hườm*” (Say trắng); “*Thu héo nắc thành những tiếng khô*” (Cuối thu); “*Điều Hàm Chương mai hoa còn rớt ngọc./ Xiêm nghề nằng ven vén để hương lay./ Nóc đi cho làn phấn điểm màu say./ Cho rung động toàn thân người róm khóc*” (Đàn ngọc)... Bên cạnh đó, nhà thơ buông thả cho chữ trôi theo sự mách bảo của vô thức khiến câu thơ bị tĩnh lược nghiệt ngã, liên kết kì lạ, đột ngột gọi tới miền vô tận của tâm linh: “*Miếng giếng hã ra/ Nuốt ực bao la/ Nuốt vì sao rơi rụng/ Loạn rồi ! Loạn rồi, ôi giếng loạn*” (Trăng tự tử).

Ngoài ra, ngôn ngữ thơ *Đau thương* còn được tạo tác trên cơ sở bút pháp, lắp ghép một cách phóng túng không theo logic tư duy thông thường. Nhà thơ trao cho ngôn ngữ quyền lực tự thân. Vì thế, ngôn ngữ *Thơ điên* mang màu sắc độc đáo, dị biệt, sâu thẳm và hiện đại: “*Là sợi đường tơ dậu quá trắng*” (Tối tân hôn), “*Còn đâu trắng lệ những thời xanh*” (Thời gian), “*Trên cung bực hãm mau niêm ngọc kể./ Với lòng run ngưng hết cả*

âm thanh” (Đàn ngọc), “*Trời từ bi cảm động ứa sưng mờ*” (Hãy nhập hồn em)... Quả thực, Hàn Mặc Tử đã thành công trong việc “lạ hóa” ngôn từ, tạo cho thơ vẻ đẹp tân kì.

Trên nền của cái tôi phân ly, bất định, Hàn Mặc Tử đã kiến tạo lầu *Thơ điên* bằng những chất liệu tượng trưng như: trực giác, tương ứng cảm quan, biểu tượng phức hợp, nhạc điệu tâm hồn và ngôn từ “nổi loạn” khiến lầu thơ ấy trở nên “rộng rinh không bờ bến” và huyền diệu vô cùng.

3. Kết luận

Thám mã thi giới Hàn Mặc Tử, người viết không tránh khỏi tâm trạng ngán ngại bởi thơ thi sĩ họ Hàn vốn được xem là lời thách đố đầy ma mị và chưa ai tìm được chiếc “chìa khóa vàng” để mở mọi cánh cửa cho lầu thơ ông. Tuy nhiên, sau sự e ngại ấy là tình yêu, sự ngưỡng vọng đối với thi tài Hàn Mặc Tử đã thôi thúc tôi tìm đến với thơ ông. Có thể con đường mình đi chưa đến đích song ít ra sẽ mở thêm một lối vào *Thơ điên* từ giác độ tư duy tượng trưng. Dù nhà thơ không thừa nhận đã chủ động tiếp thu thơ tượng trưng Pháp nhưng không thể phủ nhận giữa Hàn Mặc Tử và các thi sĩ tượng trưng Pháp đã có sự tương đồng trong thân phận. Họ là những “nhà thơ bị nguyên rủa”, đồng thời đều mang khát vọng cháy bỏng hướng đến thứ thơ ca siêu tuyệt đối. Ngoài ra, theo Đỗ Lai Thúy: “Mỗi nền hoặc thời đại văn hóa tạo ra một vùng khí hậu riêng mà bất kì ai sống trong đó đều nhiễm, lâu dần đọng lắng lại thành tâm thế ngụ ở cả hai cõi, hữu thức và vô thức” [4, tr.15]. Hàn Mặc Tử đến với thơ tượng trưng như thế. Ông đã tìm thấy những hạt nhân hợp lý trong thơ Baudelaire, Mallarmé, Rimbaud, Verlaine, Valéry... Tài năng thiên bẩm đã giúp thi nhân kiến tạo nên thế giới *Thơ điên* vô cùng độc đáo, diệu kì, bí ẩn mà có sức quyến rũ lạ thường; làm đắm say bao trái tim bạn đọc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hữu Hiệu (2002), Con đường sáng tạo, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- [2] Hội Nhà văn (2001), Thơ mới 1932 - 1945: Tác giả và tác phẩm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3] Hoài Thanh - Hoài Chân (2000), Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4] Đỗ Lai Thúy (2000), Mất thơ, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

- [5] Đặng Tiến (2009), Thơ - Thi pháp và chân dung, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [6] Chu Văn Sơn (biên soạn) (2004), Hàn Mặc Tử - Một hành trình sáng tạo, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

THE STAMP OF SYMBOLIC PROSODY IN *DAU THUONG* BY HAN MAC TU

Abstract: Han Mac Tu was a poet who left a stamp of his creative personality in the New Poetry movement. His collection of poems entitled *Dau thuong* was a vivid illustration. It was no longer built up on such a lyrical romantic land as *Gai que* but led to the symbolic world - a world of unconsciousness, conception and mysterious spirit. In the journey to find himself, Han Mac Tu was able to quickly overcome the way of expressing the self-consciousness ego of romanticism in *Gai que* to enter drastic self-reproduction and to integrate into the innermost mysterious corner of the heart, of the unseen world and the destiny force in *Dau thuong*. As a result, the lyrical ego in *Dau thuong* was structured by polarization and multifaceted features. With his revelation power, the poet emancipated the essence through his strange dreams manifesting a spiritual universe of mysteriousness and transcendence.

Key words: *Dau thuong*; symbolic prosody; lyrical ego; Han Mac Tu; transcendent.